TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1488**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2/ Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2287/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị H,** sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: A Hoàng Hoa Thám, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: A Hoàng Hoa Thám, Phường B,, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống vào năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống, ông bà có một con chung tên Nguyễn Võ Mạnh C, sinh năm 1988. Ngày 21/11/2019, bà Võ Thị H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn M vì lý do hai bên thực tế

không chung sống với nhau từ năm 1989, mỗi người một cuộc sống riêng, nhiều giao dịch cần giấy xác nhận độc thân nên bà phải làm thủ tục ly hôn; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung, bà khai không có.

Tại phiên tòa,

Bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn M thống nhất xác định có làm đám cưới vào ngày 20/5/1987 và về ở chung với nhau tại nhà mẹ đẻ của bà H. Lý do không đăng ký kết hôn là vì ông M trốn nghĩa vụ quân sự, không có giấy tờ tùy thân. Đến ngày 10/10/1988, hai bên phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Hai ông bà thống nhất yêu cầu ly hôn và không yêu cầu giải quyết các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông M.

NHẬN ĐỊNH

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo trả lời xác minh của Công an Phường 5, quận Bình Thạnh thì ông Nguyễn Văn M thực tế cư trú tại địa chỉ A Hoàng Hoa Thám, Phường B, quận Bình Thạnh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Tại công văn số 312/UBND ngày 03/7/2020 của UBND Phường B, quận Bình Thạnh xác định nguyên đơn và bị đơn có tổ chức lễ cưới vào ngày 20/5/1987 và về chung sống tại nhà nguyên đơn tại số A Hoàng Hoa Thám, Phường B, quận Bình Thạnh; khi về chung sống với nhau có sự chứng kiến của hàng xóm láng giềng; hai ông bà thực sự chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau xây dựng gia đình. Tại công văn số 283/TP ngày 10/8/2020 của Phòng Tư pháp quận Bình Thạnh trả lời nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn. Như vậy, trình bày của đương sự hoàn toàn phù hợp với các tài liệu do Tòa án thu thập.

[3] Theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình (gọi tắt là Nghị quyết số 35), điểm b mục 2 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35 (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 01) thì nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 mà có đủ điều kiện kết hôn thì họ có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm; sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn

thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Việc chung sống như vợ chồng được xác định theo các tiêu chí quy định tại điểm d mục 2 của Thông tư liên tịch số 01. Ngày tổ chức đám cưới 20/5/1987 được xem là mốc thời gian hai bên chính thức về chung sống với nhau. Đến thời điểm ngày 01/01/2003, nguyên đơn và bị đơn đều đủ điều kiện kết hôn. Đối chiếu với trường hợp trên, có căn cứ xác định nguyên đơn và bị đơn đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn trong thời hạn pháp luật quy định. Do quan hệ hôn nhân của các đương sự là không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng không công nhận quan hệ vợ chồng mới đúng theo quy định của pháp luật viện dẫn ở trên.

[4] Về con chung: Theo bản sao giấy khai sinh số 101/88 Quyển 01 do UBND Phường B cấp ngày 22/9/1988 cho Nguyễn Võ Mạnh C, giới tính Nam**,** có cơ sở xác định đây là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Do ông C đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn có đơn xin miễn án phí với lý do đã trên 60 tuổi. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 của Luật Người cao tuổi do nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin miễn án phí.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 63, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273, 280, 316, 317, 318, 321 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 28 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào Luật Người cao tuổi;

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Võ Mạnh C, sinh năm 1988 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị H được miễn án phí.

5. Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Q. Bình Thạnh(1);
- CCTHADS Q. Bình Thạnh(1);
- Lưu VP, HS(5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thanh